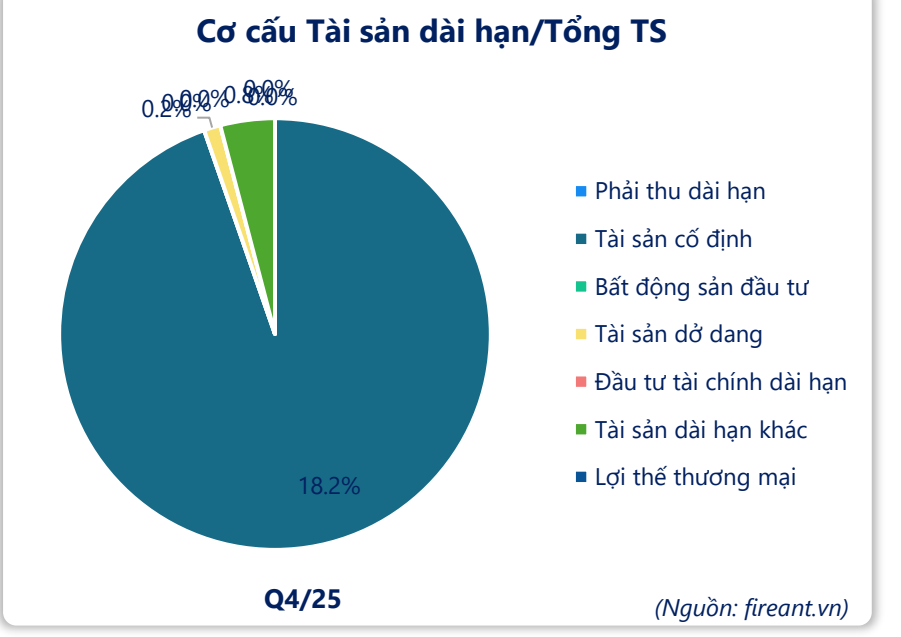
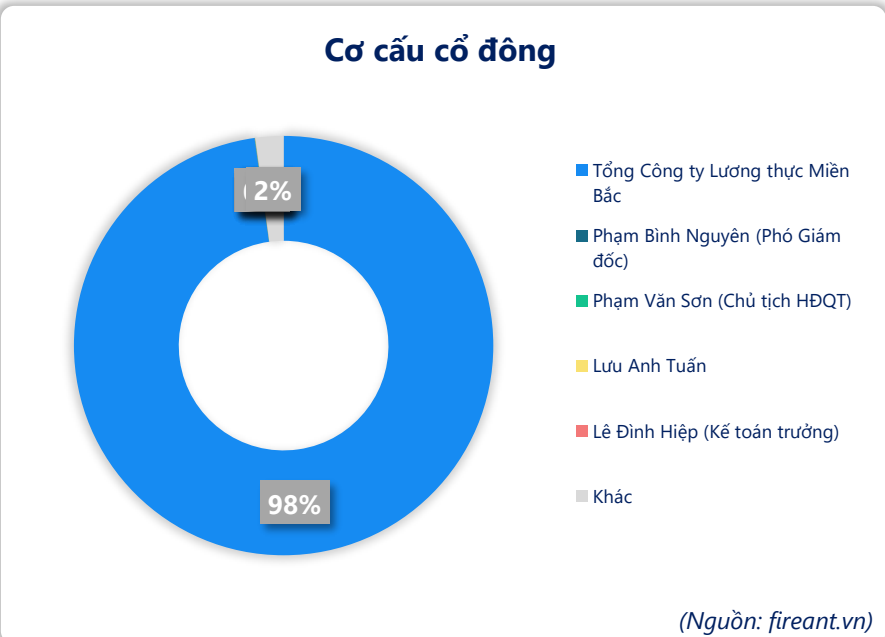
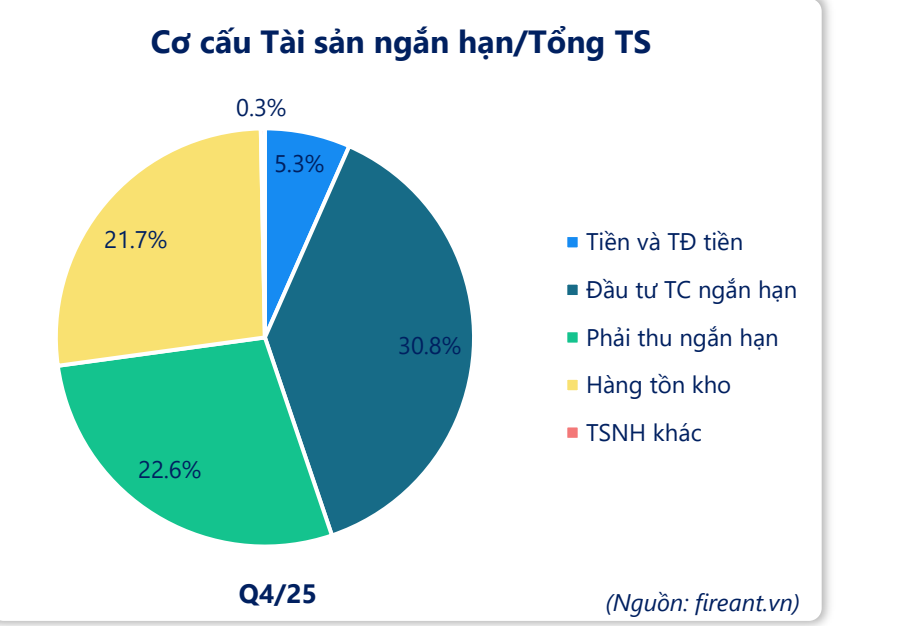
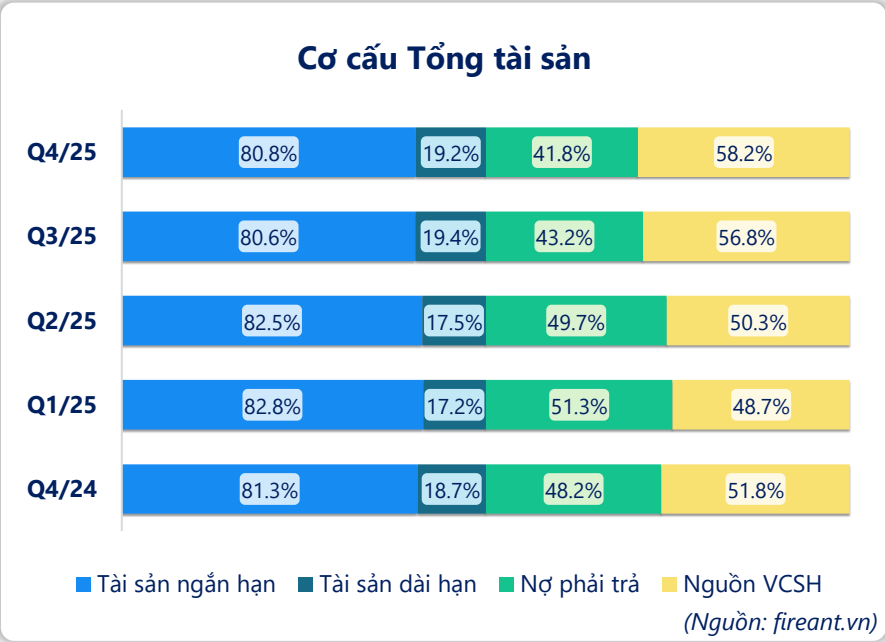
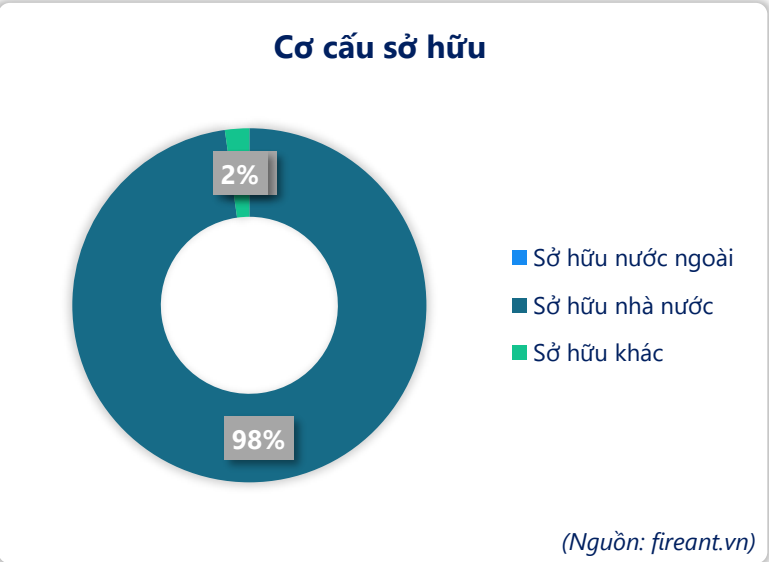
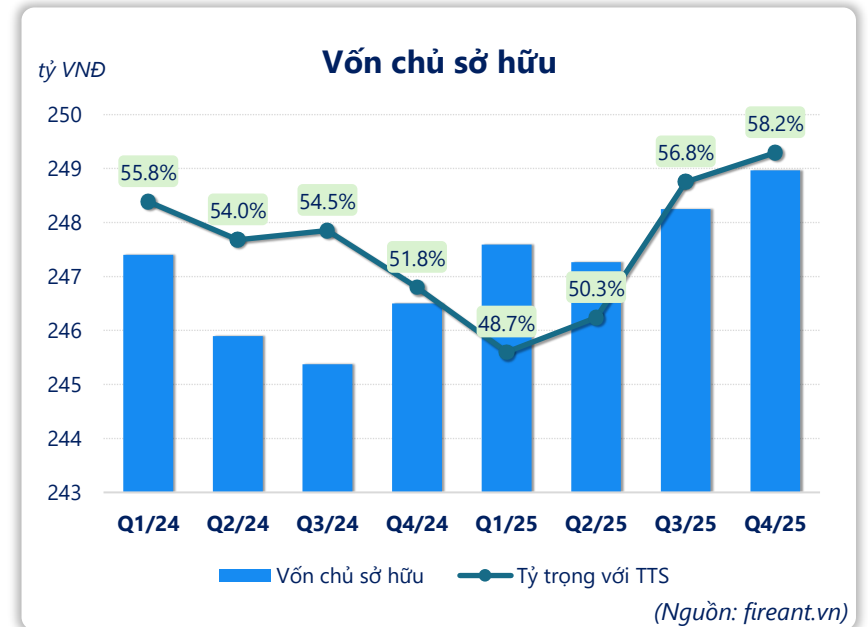
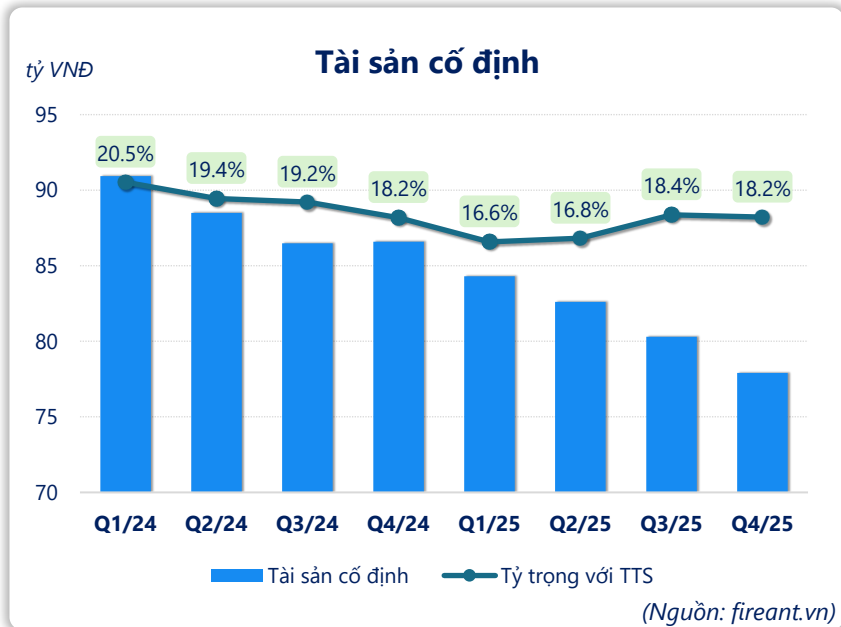
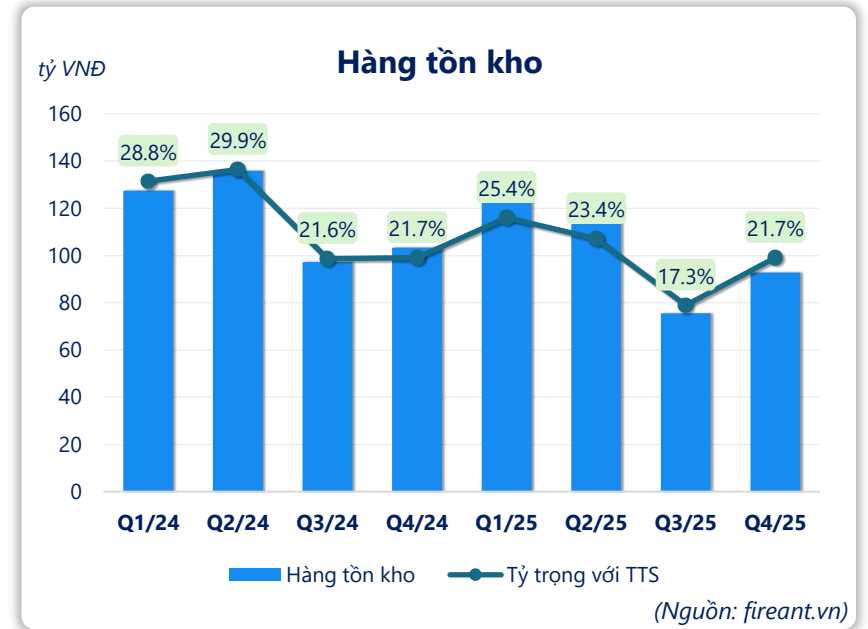
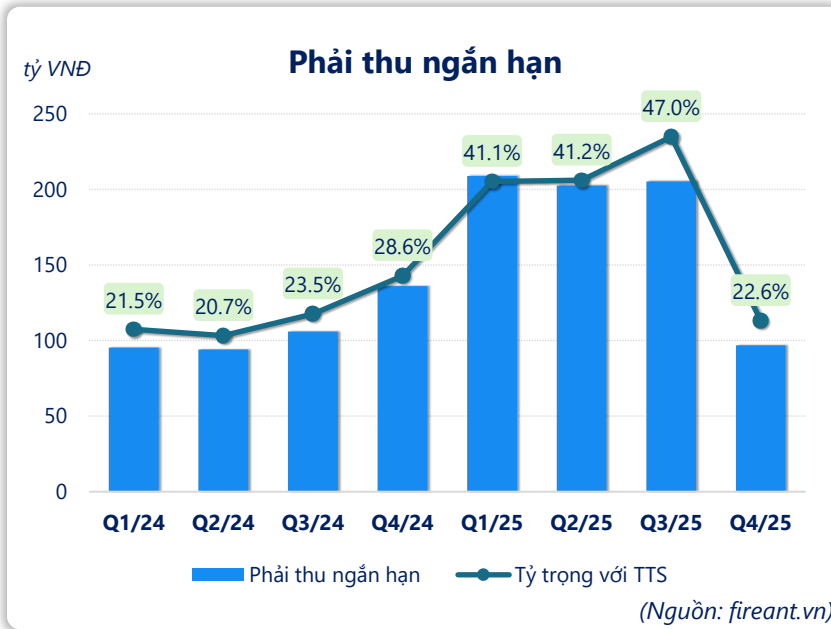
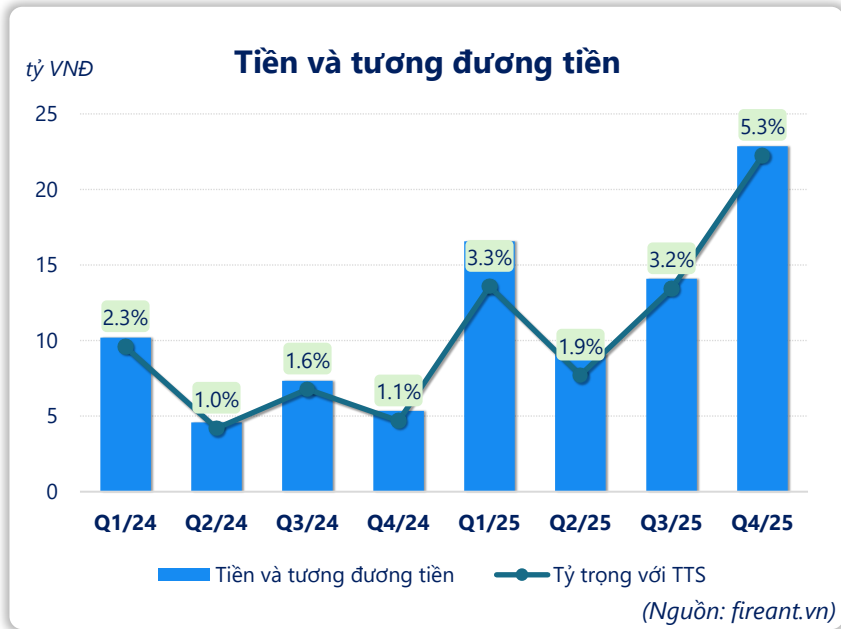
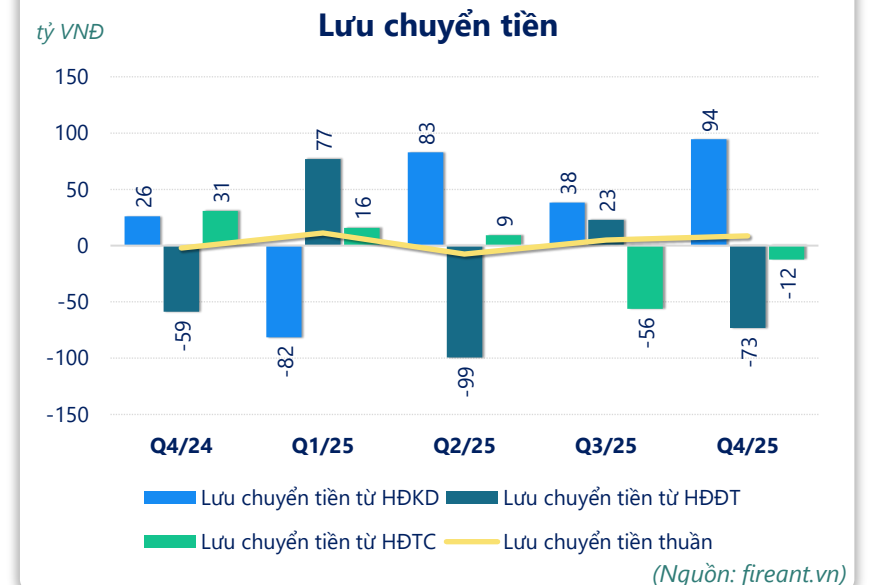
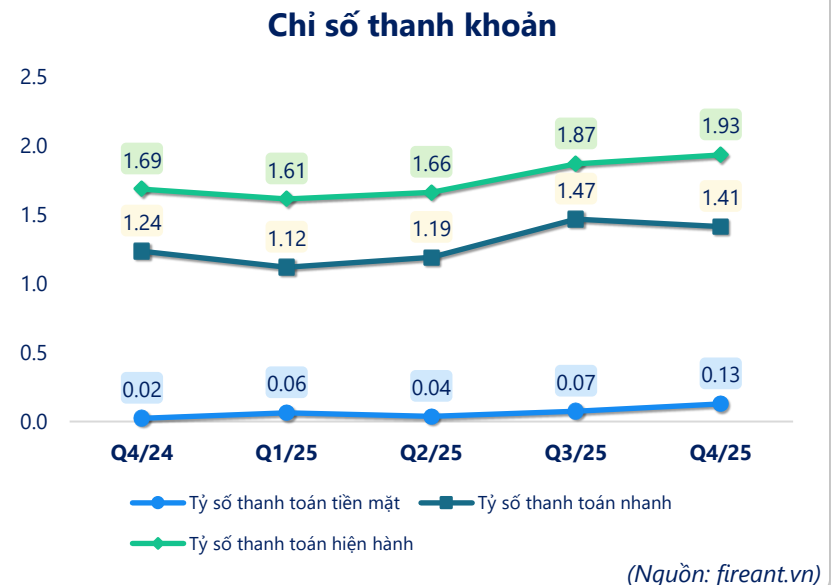
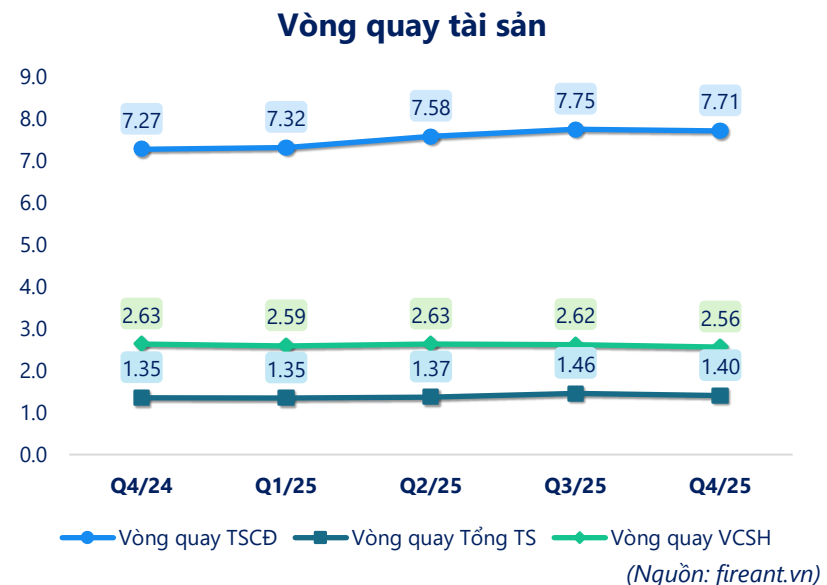
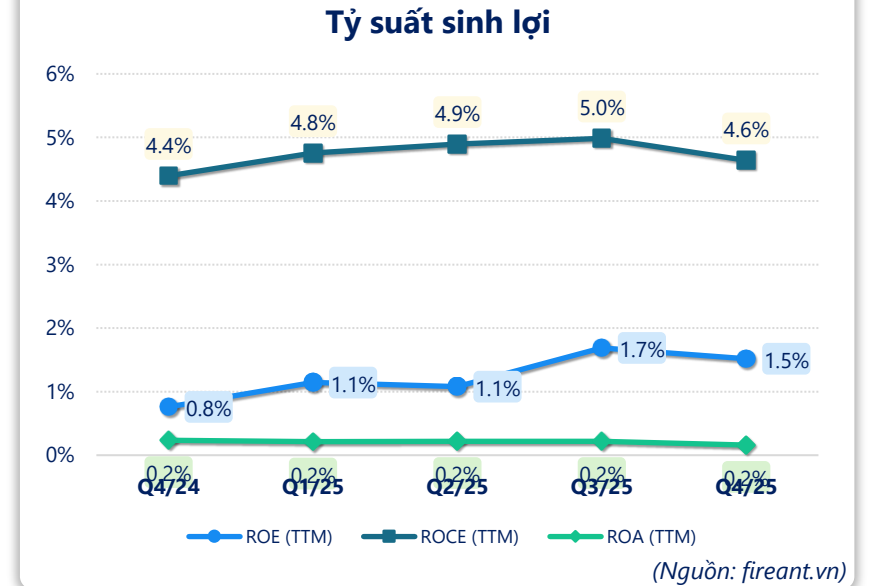
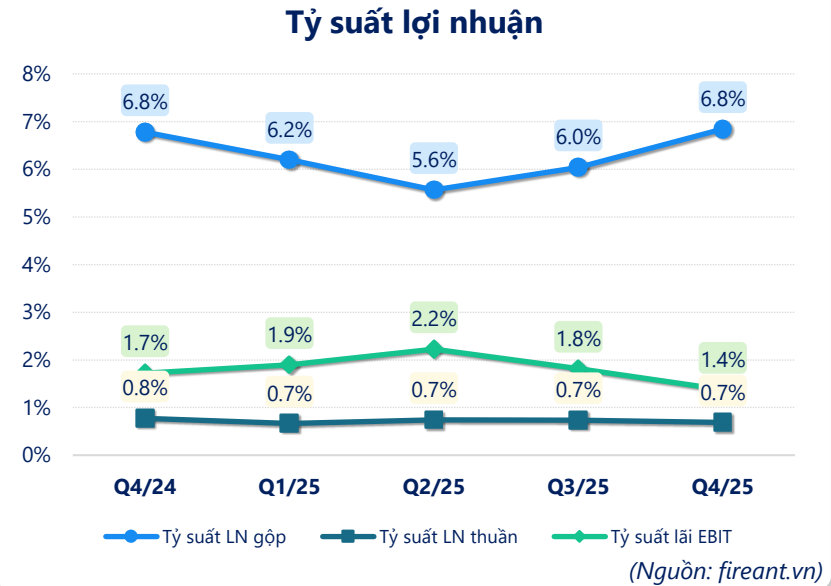
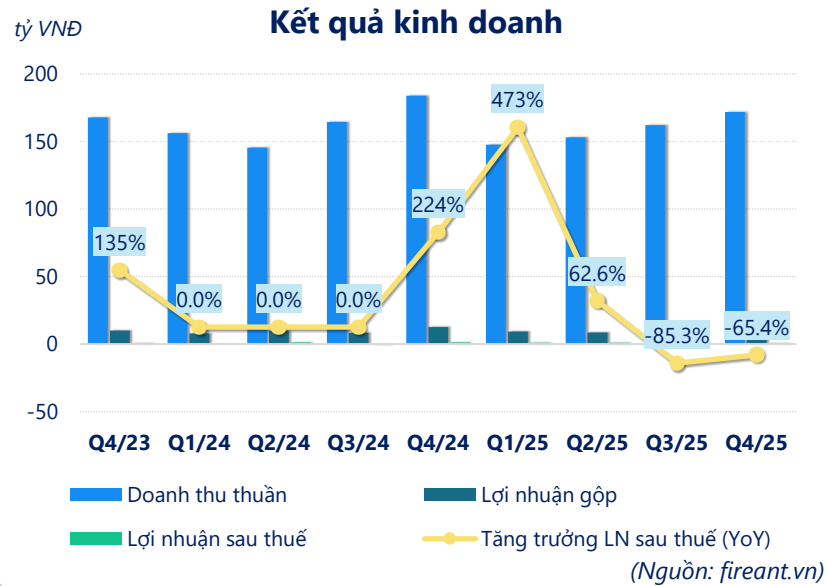


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,300
SL cổ phiếu LH		24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		360
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		128
P/E		34.1
EPS		155

	YTD	1T	3T	6T
BMV	-31.2%	-8.6%	-23.2%	-3.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	428	476	-10.2%
Tài sản ngắn hạn	346	387	-10.7%
Tiền và tương đương tiền	22.9	5.35	327%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	142	-6.8%
Phải thu ngắn hạn	96.9	136	-28.9%
Hàng tồn kho	92.8	103	-10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.09	0.58	88.5%
Tài sản dài hạn	82.3	89.3	-7.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	77.9	86.6	-10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	0.53	93.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.36	2.15	56.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	179	230	-22.1%
Nợ ngắn hạn	179	230	-22.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	173	-24.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.9	40.7	-29.0%
Nợ dài hạn	0.16	0.11	45.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	247	1.0%
Vốn chủ sở hữu	249	247	1.0%
Vốn điều lệ	242	242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	184	147	153	162	172
Giá vốn hàng bán	171	138	145	152	160
Lợi nhuận gộp	12.5	9.14	8.52	9.79	11.8
Doanh thu HĐTC	2.04	2.36	2.79	2.61	1.88
Chi phí TC	2.03	2.01	2.37	1.73	1.45
Chi phí lãi vay	1.45	1.53	2.10	1.71	1.44
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.14	3.85	3.30	4.20	5.12
Chi phí QLDN	5.91	4.66	4.51	5.27	5.88
LN thuần từ HĐKD	1.42	0.98	1.13	1.19	1.18
Lợi nhuận khác	0.29	0.28	0.18	0.04	-0.25
LN trước thuế	1.72	1.27	1.31	1.23	0.93
Lợi nhuận sau thuế	1.13	1.01	1.05	0.98	0.72
LNST của CĐ cty mẹ	1.13	1.01	1.05	0.98	0.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.1	-81.6	82.8	38.1	94.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.8	76.9	-99.5	22.9	-73.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	30.7	15.9	9.22	-56.1	-12.4
Tiền đầu kỳ	7.34	5.35	16.6	9.09	14.1
Lưu chuyển tiền thuần	-2.04	11.2	-7.49	4.98	8.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	5.35	16.6	9.09	14.1	22.9

(Nguồn: fireant.vn)